TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 238/2019/HS-PT
Ngày 07 tháng 5 năm 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Trần Xuân Minh

Bà Trần Thị Thu Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Bảo, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Khánh Toàn, Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 546/2018/TLPT-HS ngày 27 tháng 9 năm 2018 đối với bị cáo Nguyễn Thanh Đ do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 32/2018/HS-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

-Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Thanh Đ**; sinh năm 1954; Nơi ĐKHKTT và cư trú: Tổ 2, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng; Giới tính: Nam Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: Lớp 7/10; Nghề nghiệp: không; Con ông Nguyễn Văn U và bà Nguyễn Thị S (đều đã chết); Vợ là Đinh Thị L (hiện nay bỏ địa phương đi đâu không rõ); Có 08 người con, con lớn nhất sinh năm 1979, con nhỏ nhất sinh năm 1994. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo hiện đang được tại ngoại, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Đ*: Luật sư Đỗ Văn B – Văn phòng luật sư Đỗ B thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự:*

1. Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Đăk Nông.

Trụ sở: đường A, phường N, thị xã G, tỉnh Đăk Nông, vắng mặt.

2. Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Bình Thuận.

Trụ sở: đường Ng, phường B, thành phố P, Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp: Bà Đặng Thị Ngọc H; Chức vụ: Trưởng Phòng người có công, có mặt.

3. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Trụ sở: đường L, Phường 1, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào tháng 3/1975 Nguyễn Thanh Đ nhập ngũ tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định; sau đó được biên chế vào Đại đội 1, sư đoàn 565 – Đoàn 559 làm công tác hậu cần, đóng quân tại huyện L1, tỉnh Quảng Bình. Đến tháng 06/1978, Đ phục viên về sinh sống tại xã L, huyện T, tỉnh Nam Định. Năm 1985, gia đình Đ chuyển đến sinh sống tại huyện B (nay là thành phố B), tỉnh Lâm Đồng và bị cháy nhà nên bị cháy các giấy tờ tham gia quân đội. Đến năm 2005, Đ nhờ 01 người tên Nguyễn Văn Th (chưa rõ nhân thân, lai lịch) làm giả các giấy tờ, tài liệu xác nhận Nguyễn Thanh Đ tham gia quân đội gồm có:

+ 01 Quyết định phục viên số 272T/03 QĐ đề ngày 20/12/1988 của Trung đoàn 52, Sư đoàn 565 do Bộ Quốc phòng cấp.

+ 01 giấy xác nhận số 102/XN đề ngày 06/12/2005 của Ban CHQS huyện T, tỉnh Nam Định;

+ 01 giấy chứng nhận có thời gian công tác XYZ;

+ 01 giấy chứng nhận khen thưởng của quân giải phóng miền Nam Việt Nam.

Ngoài ra năm 2008 Nguyễn Thanh Đ còn nhờ một người có tên Ng (không rõ nhân thân, lai lịch) làm giả 01 Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất đề ngày 25/12/1985 rồi đóng khung treo trong nhà.

Năm 2007, Nguyễn Thanh Đ đã sử dụng các giấy tờ nêu trên để lập hồ sơ cho hai con là Nguyễn Đức A và Nguyễn Cao C hưởng chế độ con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Năm 2008, Đ dùng giấy tờ trên làm hồ sơ đề nghị hưởng chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, Đ đã khai báo gian dối việc tham gia quân đội nhân dân Việt Nam từ năm 1963 đến năm 1976, chiến đấu tại khu vực Quảng Trị thuộc vùng bị phun rải chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh và đã được Sở Lao động và thương binh xã hội tỉnh Lâm Đồng cho hưởng trợ cấp đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học từ ngày 01/8/2008 đến tháng 03/2016 với số tiền là 276.083.800đ.

Quá trình điều tra thể hiện để phù hợp với các giấy tờ giả mà Nguyễn Văn Th làm cho, Đ đã về xã L, huyện T, tỉnh Nam Định khai báo lại năm sinh từ 1954 thành 1946. Sau đó Đ đã làm đơn có mất các giấy tờ sinh năm 1954 rồi làm đơn xin các cơ quan ở thành phố B cấp lại và điều chỉnh giấy tờ thành năm sinh 1946 để sử dụng cho đến khi bị phát hiện.

Căn cứ khoản 2 Điều 22 Nghị định 54/2006/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 26/5/2006 về việc hướng dẫn thi hành một số điều của pháp lệnh ưu đã người có công với cách mạng thì điều kiện để hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học là: đã công tác, chiến đấu, phục vụ chiến đấu từ tháng 8/1961 đến ngày 30/4/1975 tại các vùng mà quân đội Mỹ đã sử dụng chất độc hóa học. Thực tế Nguyễn Thanh Đ tham gia quân đội từ tháng 3/1975 đến tháng 6/1978 đóng quân tại huyện L1, tỉnh Quảng Bình không phải là khu vực quân đội Mỹ rải chất độc hóa học. Như vậy, Nguyễn Thanh Đ không đủ điều kiện được hưởng chế độ trợ cấp người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

Ngoài ra, Nguyễn Thanh Đ còn nhờ Nguyễn Văn Th làm giả giấy tờ cho bà Đinh Thị L (vợ của Đ), gồm các giấy tờ: 01 giấy chứng nhận tặng huy hiệu chiến sĩ Trường Sơn số 84861 mang tên Đinh Thị L do Binh đoàn 12, Bộ Quốc phòng ký ngày 19/5/2003; 01 giấy xác nhận 202/XN đề ngày 06/01/2005 do Ban Chỉ huy quân sự huyện T, tỉnh Nam Định cấp cho bà Đinh Thị L; 01 giấy tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong số 77879 mang tên Đinh Thị L do Ban Chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh ký ngày 20/5/2003; 01 giấy chứng nhận khen thưởng số 219/QĐKT của Quân giải phóng miền Nam Việt Nam về việc tặng Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng 3 cho bà Đinh Thị L; 01 Huy chương kháng chiến hạng nhất đề ngày 29/5/1986 mang tên Đinh Thị L do Hội đồng nhà nước - Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký cấp. Cũng trong năm 2008, Nguyễn Thanh Đ dùng các giấy tờ nêu trên làm hồ sơ đề nghị hưởng chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học cho bà Đinh Thị L và được Sở Lao động và Thương binh xã hội tỉnh Lâm Đồng ra quyết định cho hưởng chế độ. Đến năm 2009, Đ tiếp tục sử dụng các giấy tờ nêu trên làm hồ sơ đề nghị hưởng chế độ thanh niên xung phong và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét duyệt cho hưởng chế độ từ tháng 01/2009 cho bà Đinh Thị L. Tổng số tiền bà Đinh Thị L đã được chi trả tại các Sở Lao động và thương binh xã hội tỉnh Lâm Đồng, Đắc Nông và Bình Thuận với số tiền là 164.386.300đ. Ngoài ra, năm 2007 Nguyễn Thanh Đ còn dùng giấy tờ giả nêu trên để làm hồ sơ đề nghị 02 con là Nguyễn Đức A và Nguyễn Cao C được hưởng chế độ con đẻ của người bị nhiễm chất độc hóa học và đã được chi trả với số tiền là 124.122.000đ.

Theo công văn số 187/CV-QL ngày 22/9/2016 của Đoàn 565 – Binh đoàn 12 (Công ty cổ phần xây dựng 565) xác định: Quyết định phục viên số 272T/03QĐ đề ngày 20/12/1988 không đúng và không phải do Sư đoàn 565 cấp, trong sổ ghi chép danh sách quân nhân không có tên Nguyễn Thanh Đ.

Theo Công văn số 584/CV-BCH ngày 31/8/2016 của Ban Chỉ huy Quân sự huyện T, tỉnh Nam Định xác định: Số đăng ký quân nhân dự bị lưu tại BCHQS xã L và tại BCHQS huyện T không có tên ông Nguyễn Thanh Đ; giấy xác nhận số 102/XN ngày 06/12/2005 được cấp cho ông Vũ Văn Đ1.

Theo Công văn số 942/BĐ-CTr ngày 26/8/2016 của Binh đoàn 12 Bộ Quốc phòng trả lời: Ông Nguyễn Thanh Đ khai công tác tại đơn vị Sư đoàn 472, Đoàn 559 từ tháng 5/1963 đến năm 1966 là không đúng vì Sư đoàn 472 – Đoàn 559 đến ngày 20/7/1971 mới được thành lập và có phiên hiệu đơn vị...

Theo Công văn số 584/CV-BCH ngày 31/8/2016 của Ban Chỉ huy Quân sự (BCHQS) huyện T, tỉnh Nam Định xác định: Số đăng ký quân nhân dự bị lưu tại BCHQS xã L và tại BCHQS huyện T không có tên bà Đinh Thị L; giấy xác nhận số 202/XN ngày 06/01/2005, năm 2005 BCHQS huyện T cấp giấy xác nhận cho công dân đến số 1010/XN ngày 27/12/2005, BCHQS huyện T không cấp giấy chứng nhận số 202/XN.

Theo Công văn số 72-CV/TNXP ngày 10/8/2016 của Ban Thanh niên xung phong – Trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xác định không cấp quyết định tặng kỷ niệm chương Thanh niên xung phong số 77879 ngày 20/5/2003 mang tên Đinh Thị L.

Cũng tại Công văn số 10/2017/HCTNXP ngày 24/02/2017 của Hội Cựu thanh niên xung phong tỉnh Nam Định xác định: Danh sách thống kê lực lượng thanh niên xung phong tham gia kháng chiến do hội này quản lý không có tên bà Đinh Thị L, thời gian, quá trình hoạt động của bà Đinh Thị L khai báo là không phù hợp, không thực tế; bà Đinh Thị L không phải đối tượng Thanh niên xung phong (TNXP) chống Mỹ cứu nước.

Theo Công văn ngày 24/02/2007 của Hội cựu Thanh niên xung phong huyện T xác định: Hồ sơ tại xã L, huyện T và hồ sơ tại huyện T không có tên bà Đinh Thị L; phiên hiệu đơn vị TNXP trong hồ sơ của bà L khai là không có thực.

Căn cứ các tài liệu do các Sở Lao động và thương binh xã hội tỉnh Lâm Đồng, Đắc Nông, Bình Thuận thì Nguyễn Thanh Đ, Đinh Thị L, Nguyễn Đức A, Nguyễn Cao C đã được nhận tổng cộng là 564.592.100đ về các chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, chế độ con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học và chế độ thanh niên xung phong; căn cứ kết quả giám định chữ ký, chữ viết có căn cứ xác định: Nguyễn Thanh Đ trực tiếp ký nhận số tiền 398.465.600đ nhận chế độ ưu đãi của Đ, L, A, C; Đinh Thị L trực tiếp ký nhận số tiền 88.804.300đ gồm chế độ ưu đãi của Đ, L, A, C; Nguyễn Thị Vân A (là con gái của Đ và L) đi nhận tiền chế độ thay cho Đ, L, A, C số tiền 38.045.000đ, Nguyễn Thị Vân A khai sau khi nhận đã giao lại cho Đ và sử dụng vào việc chi phí hàng ngày, mua thuốc chữa bệnh cho Đ. Danh sách ký nhận tiền hàng tháng thể hiện Nguyễn Đức A nhận số tiền 10.761.000đ cho L, A, C; C ký nhận số tiền 996.000đ cho C. Nguyễn Thanh Đ trình bày đã nhờ con chú là Nguyễn Văn Đ2 đi nhận thay cho Đ số tiền

22.356.200đ (Đ2 đã giao lại số tiền này cho Đ); Đinh Thị L nhờ bà Phạm Thị D ở thôn 5 xã Q, huyện Đ nhận thay số tiền 3.554.000đ, nhờ ông Lê Trọng Th ở thôn 8 xã Q, huyện Đ nhận thay số tiền 500.000đ; Nguyễn Thanh Đ nhờ Hà Đ2 T ở 41 L, phường 2, thành phố B nhận thay số tiền 1.110.000đ. Nguyễn Thanh Đ khai nhận tất cả các khoản tiền chế độ của 04 người hàng tháng, hàng kỳ, tiền quà theo chế độ gia đình của bị cáo Đ đều được nhận đầy đủ. Nguyễn Thanh Đ đã khai nhận toàn bộ hồ sơ làm giả cho Đ, Đinh Thị L, Nguyễn Đức A, Nguyễn Cao C đều do Đ tự kê khai, tự nộp cho Sở Lao động và thương binh xã hội tỉnh Lâm Đồng để những người này được nhận các chế độ nhiễm chất độc hóa học, chế độ con đẻ của người nhiễm chất độ hóa học và cả chế độ thanh niên xung phong cho bà L, bà L không hề biết các loại giấy tờ do Đ làm và kê khai nộp cho Sở Lao động và thương binh xã hội tỉnh Lâm Đồng, do đó Nguyễn Thanh Đ phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về số tiền của Đ, L, A, C hưởng chế độ trái quy định.

Tại Kết luận giám định số 1026/GĐ-PC54 ngày 01/4/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Hình dấu và chữ ký trên tài liệu Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất đề ngày 25/12/1985 mang tên Nguyễn Thanh Đ được tạo ra bằng phương pháp in màu.

Theo Kết luận giám định số 86/GĐKTHS-PC11 ngày 12/5/2017 của Phòng Giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng kết luận: Giấy chứng nhận tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong số 77879/NQ/TW đề ngày 20/5/2003 có hình dấu được hình thành bằng phương pháp vẽ tay, phôi in tài liệu và chữ ký được hình thành bằng phương pháp phun màu; giấy chứng nhận tặng huy hiệu chiến sĩ Trường Sơn số 86861 đề ngày 19/5/2003 không phát hiện dấu hiệu bất thường, hình dấu được đóng trực tiếp, phôi in và chữ ký được chế bản in offset; chữ viết phần nội dung trên giấy chứng nhận Tặng kỷ niệm chương thanh niên xung phong số 77879/NQ/TW và giấy chứng nhận tặng huy hiệu chiến sĩ Trường Sơn 84861 với chữ viết trên hai phiếu thay đổi hộ khẩu đề ngày 25/11/2003 và ngày 01/8/2005 ghi tên người khai Nguyễn Thanh Đ, là do cùng một người viết ra.

Tại Kết luận giám định số 1625/PC54 ngày 02/11/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận:

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Thanh Đ trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A3, A2 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thanh Đ là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đinh Thị L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A4, A5, A8, A9,A10, A12, từ A15-A21, từ A27-A34, A57, A71, A36 – A39, A49 so với chữ viết của Nguyễn Thanh Đ trên các tài liệu là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký và chữ "L" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A40 so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thanh Đ trên các tài liệu là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ "L", "Đức Anh", "C" trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết của Nguyễn Thanh Đ trên các tài liệu là do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đinh Thị L, chữ "C", "Đ" trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Thanh Đ là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi tên Đinh Thị L, Nguyễn Đức A, Nguyễn Cao C trên các tài liệu là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đinh Thị L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A6, A7, A11, A13, A14, từ A22 đến A26, A35, từ A44 đến A48, A50, từ A59 đến A66, A68, A69, A70, A72, A73, A79, A80, A83 so với chữ ký, chữ viết của Đinh Thị L trên các tài liệu là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ "L" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A43, từ A74 đến A78 so với chữ viết của Đinh Thị L trên các tài liệu là do cùng một người viết ra.

- Chữ "Đinh Thị L", "Nguyễn Đức A", "Nguyễn Cao C" trên các tài liệu cần giám định so với chữ viết của Đinh Thị L trên các tài liệu do cùng một người viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đinh Thị L, Nguyễn Đức A, Nguyễn Cao C trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A42, A58 so với chữ ký, chữ viết của Đinh Thị L là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đinh Thị L, chữ "A", "C" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A51, A81 so với chữ ký, chữ viết của Đinh Thị L trên các tài liệu là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đinh Thị L, chữ "Đức Anh", "C" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A52, A53 so với chữ ký, chữ viết của Đinh Thị L trên các tài liệu là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ ký, chữ viết ghi họ tên Đinh Thị L, Nguyễn Đức A trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A67 so với chữ ký, chữ viết của Đinh Thị L trên các tài liệu là do cùng một người ký và viết ra.

- Chữ "ĐứcAnh", "C" trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A82 so với chữ viết của Đinh Thị L trên các tài liệu là do cùng một người viết ra.

Ngày 31/01/2018, Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa có kết luận giám định số 74/KL-VPYTW, kết luận đối với Nguyễn Thanh Đ như sau:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay: Đương sự bị rối loạn cảm xúc không ổn định thực tổn (F06.6-ICD.10).

- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Đương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 14/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thanh Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm q, s, r khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017). Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Đ 09 (chín) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 17/8/2018, bị cáo Nguyễn Thanh Đ làm đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm Sát cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:

Căn cứ vào các chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo cho thấy, bị cáo, con và vợ không thuộc diện người được hưởng nhiễm chất độc màu da cam, nhưng cố tình làm giả các giấy tờ để được hưởng chế độ, thực tế bị cáo đã hưởng trên 500 triệu đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo giữ y án sơ thẩm.

- Bào chữa cho bị cáo, luật sư cho rằng, bị cáo có hành vi làm giả các giấy tờ để được hưởng người nhiễm chất độc màu da cam là việc làm không đúng. Nhưng trên thực tế, bị cáo là bộ đội có nhiều năm công tác trong quân đội, con bị cáo có khuyết tật. Thì bị cáo đủ điều kiện để hưởng chính sách người có công. Cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản là không có căn cứ. Đề nghị hủy án sơ thẩm để điều tra giải quyết lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ các chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo cho thấy:

[1] Nguyễn Thành Đ có thời gian tham gia quân ngũ từ tháng 3/1975 đến tháng 6/1978. Khi thấy Nhà nước có chủ trương chính sách có chế độ đối với người bị nhiễm chất độc màu da cam, bản thân bị cáo biết mình không thuộc diện được hưởng chế độ người bị nhiễm chất độc màu da cam nên Đ đã trực tiếp tự làm và nhờ người có tên Nguyễn Văn Th và một người có tên Ngân làm giả các loại giấy tờ như: Quyết định phục viên; Giấy xác nhận của Ban chỉ huy quân sự huyện T, tỉnh Nam Định; Giấy chứng nhận có thời gian công tác XYZ; Giấy chứng nhận khen thưởng của quân giải phóng miền Nam Việt Nam; làm giả 01 Huân chương chiến sĩ giải phóng hạng nhất đề ngày 25/12/1985, bị cáo đã về xã L, huyện T, tỉnh Nam Định khai báo lại năm sinh từ 1954 thành sinh năm 1946 để phù hợp các giấy tờ giả đã làm.

[2] Không dừng lại ở đó năm 2007 bị cáo sử dụng các giấy tờ trên để làm hồ sơ cho hai người con Nguyễn Đức A và Nguyễn Cao C hưởng chế độ con đẻ của người tham gia kháng chiến bị nhiễm độc hóa học. Không chỉ làm hồ sơ giả cho con mình bị cáo còn làm hồ sơ giả cho vợ mình là bà Đinh Thị L được hưởng chế độ người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học. Bằng thủ đoạn trên trong nhiều năm bị cáo đã chiếm đoạt Nhà nước số tiền 564.592.100 đồng, hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 139 BLHS năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 09 năm tù là đã có xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có tình thiết giảm nhẹ đặc biệt nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bản thân bị cáo đã tùng tham gia quân đội thì bị cáo có quền kê khai làm hồ sơ để được hưởng chế độ chính sách cho người có công theo quy định. Trong vụ án này, truy tố xem xét hành vi kê khai làm giả các loại giấy tờ để hưởng chính sách mà mình không được hưởng, hành vi kê khai làm giả, liên tục nhiều lần là thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tiền Nhà nước. Do đó, lập luận của luật sư là không có cơ sở.

[5] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh Đ.. Giữ y án sơ thẩm số 32/2018/HS-ST ngày 14/8/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

Tuyên xử:

-Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm q, s, r khoản 1 Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh Đ 09 (chín) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

-Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thanh Đ phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Lâm Đồng;
- Công an tỉnh Lâm Đồng;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng;
- Bị cáo tại ngoại;
- Lưu hồ sơ vụ án, 14b.

Lê Thành Văn